

Phật giáo Việt Nam từ tinh thần cứu khổ cứu nạn đến lý tưởng giải phóng dân tộc

ISSN: 2734-9195 08:20 21/10/2025

Phật giáo Việt Nam đã chuyển hóa mạnh mẽ thành lý tưởng “giải phóng dân tộc” trong những giai đoạn đất nước lâm nguy, thể hiện bằng hành động thiết thực, bằng sự hy sinh và dấn thân không mệt mỏi của nhiều thế hệ tăng ni, Phật tử.

Tác giả: **Thích nữ Liên Phú (1)**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

I. Mở đầu

Hưởng ứng tinh thần của buổi tọa đàm khoa học do Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam phối hợp với Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức, nhân dịp kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 02/09, bài tham luận này được thực hiện nhằm góp phần làm sáng rõ vai trò lịch sử của Phật giáo Việt Nam trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước.

Với chiều dài hơn hai nghìn năm đồng hành cùng dân tộc, Phật giáo Việt Nam không chỉ là một tôn giáo truyền thống mà còn là một phần máu thịt trong dòng chảy lịch sử của đất nước. Trải qua bao biến thiên của thời đại, đạo Phật vẫn luôn thể hiện rõ tinh thần nhập thế, từ bi và vị tha, đặc biệt là lý tưởng “cứu khổ cứu nạn”, một giá trị nhân văn sâu sắc mang tính phổ quát. Điều đặc biệt là trong bối cảnh đất nước lâm nguy, tinh thần ấy đã không dừng lại ở sự cảm thông hay cứu giúp cá nhân, mà đã chuyển hóa thành lý tưởng “giải phóng dân tộc”, một sự dấn thân mạnh mẽ, phản ánh sâu sắc bản chất nhập thế và yêu nước của Phật giáo Việt Nam.

Bài tham luận sẽ tập trung làm rõ ba nội dung chính: Thứ nhất, phân tích tinh thần cứu khổ và tư tưởng nhập thế trong giáo lý và thực hành Phật giáo; thứ

hai, luận giải vai trò và những đóng góp cụ thể của tăng ni, phật tử trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc; và cuối cùng, rút ra những bài học kinh nghiệm để tiếp tục phát huy truyền thống yêu nước và nhập thế đó trong thời kỳ mới, dưới ánh sáng phương châm “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội” mà Giáo hội Phật giáo Việt Nam đang thực hiện.

Bằng việc nhìn lại quá khứ và hướng về tương lai, tham luận này hy vọng góp phần khẳng định vị thế và trách nhiệm của Phật giáo Việt Nam trong công cuộc phát triển đất nước hiện nay.

II. Nội dung

1. Cơ sở lý luận và lịch sử: Tinh thần cứu khổ, nhập thế của Phật giáo Việt Nam là nền tảng cho lý tưởng giải phóng dân tộc

1.1 Tinh thần “Cứu khổ cứu nạn” - Giá trị cốt lõi của giáo lý nhà Phật

Giáo lý nhà Phật, ngay từ nền tảng căn bản nhất, đã đặt trọng tâm vào việc nhận diện và giải thoát con người khỏi khổ đau. Tứ diệu đế, chân lý cốt lõi của Phật giáo, bắt đầu từ Khổ đế, khẳng định sự hiện hữu của khổ đau trong đời sống. Đức Phật chỉ rõ rằng mọi chúng sinh đều phải đối mặt với khổ đau từ sinh, lão, bệnh, tử, từ những tham ái, chia lìa, và bất toại nguyện. Tuy nhiên, khổ trong đạo Phật không chỉ là khổ của từng cá nhân đơn lẻ, mà còn là nỗi khổ tập thể của xã hội, của cộng đồng và cả dân tộc, nhất là khi con người bị áp bức, bất công, mất tự do, sống trong lo sợ và vô minh.



Hình minh họa tạo bởi AI

Từ đó, giáo lý Phật giáo nuôi dưỡng và phát triển lòng từ bi, không chỉ để cảm thông với nỗi đau của con người mà còn thôi thúc hành động nhằm cứu giúp và hóa giải khổ đau cho tất cả chúng sinh. Hạnh nguyện cứu độ chúng sinh của Đức Phật không phải là sự ban ơn, mà là sự dẫn dắt con người đến con đường tự giải thoát qua trí tuệ, từ bi và hành động chân chính. Trong bối cảnh xã hội có chiến tranh, xâm lược, nghèo đói và áp bức, lòng từ bi ấy không thể đứng yên, nó phải hóa thành hành động thiết thực để cứu giúp con người khỏi nỗi khổ lớn nhất: mất nước, mất quyền làm người.

Chính vì vậy, tinh thần “cứu khổ cứu nạn” không tách rời thực tiễn xã hội, mà trở thành nền tảng vững chắc cho sự dẫn thân, nhập thế và đồng hành cùng dân tộc trong mọi hoàn cảnh lịch sử. Đây là một điểm đặc sắc làm nên bản sắc Phật giáo Việt Nam, một Phật giáo không chỉ cầu đạo cho riêng mình, mà còn vì hạnh phúc và tự do của muôn dân.

1.2 Sự phát triển thành tinh thần “Nhập thế” trong lịch sử Phật giáo Việt Nam

Tinh thần “nhập thế” trong Phật giáo Việt Nam là sự phát triển tự nhiên từ hạnh nguyện cứu khổ cứu nạn, khi người tu hành không chỉ hướng đến sự giải thoát cá nhân mà còn dẫn thân phụng sự cuộc đời, đóng góp trực tiếp vào sự an lành và hưng thịnh của xã hội. Lịch sử dân tộc Việt Nam, đặc biệt là trong các triều đại Lý - Trần, đã ghi dấu những trang vàng về sự gắn bó mật thiết giữa Phật giáo và vận mệnh quốc gia.

Ngay từ thời nhà Lý, Phật giáo đã được coi là quốc đạo, không chỉ đóng vai trò tôn giáo mà còn là nền tảng tư tưởng, đạo đức và văn hóa của triều đình. Thiền sư Khuông Việt (Ngô Chân Lưu) được vua Đinh Tiên Hoàng phong làm Quốc sư, là người đặt nền móng cho mối quan hệ giữa đạo và đời. Đến thời Lý và Trần, vai trò ấy càng nổi bật với các bậc cao tăng như thiền sư Vạn Hạnh, người có công lớn trong việc cố vấn cho Lý Công Uẩn dời đô về Thăng Long, đây là một quyết định chiến lược khai mở vận hội phát triển cho đất nước. Vua Trần Nhân Tông, sau khi lãnh đạo quân dân Đại Việt đánh thắng quân Nguyên Mông, đã xuất gia, sáng lập Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, thể hiện lý tưởng hòa quyện giữa đạo và đời, giữa trách nhiệm thế gian và sự tu tập nội tâm.

Điều đặc biệt trong tinh thần nhập thế của Phật giáo Việt Nam là không từ bỏ giáo lý xuất thế gian, mà là vận dụng sâu sắc tinh thần ấy để ứng xử với cuộc đời, nhằm giảm khổ, hóa giải oán thù và vun bồi an lạc xã hội. “Các thiền sư Việt Nam thời Lý - Trần không xa rời trần thế, mà đem trí tuệ Phật học phụng sự quốc gia, xem việc nước là việc đạo” (2).

Quanniệm “cư trần lạc đạo” (sống giữa đời mà vẫn giữ đạo) tiêu biểu cho triết lý ấy. Trong đó, việc nước được xem là việc đạo, và việc dân chính là việc của chúng sinh cần được cứu giúp, phản ánh nhận thức toàn diện về vai trò của người tu sĩ trong cộng đồng xã hội.

Sự nhập thế của Phật giáo Việt Nam không chỉ thể hiện ở sự tham gia vào chính sự mà còn lan tỏa trong đời sống văn hóa, giáo dục, y tế, từ thiện, và nhất là trong tinh thần yêu nước, sẵn sàng hy sinh vì dân tộc. Chính sự đồng hành đó đã giúp Phật giáo trở thành một phần không thể thiếu trong quá trình dựng nước, giữ nước và phát triển đất nước, làm nên bản sắc riêng biệt của Phật giáo Việt Nam so với nhiều quốc gia khác.

1.3 Từ “Cứu khổ” đến “Giải phóng dân tộc” một bước phát triển tất yếu

Trong bối cảnh đất nước rơi vào vòng nô lệ, bị thực dân và đế quốc xâm lược, nỗi khổ lớn nhất của người dân không còn chỉ là khổ đau do sinh, lão, bệnh, tử, mà chính là nỗi đau mất nước, bị áp bức, tước đoạt quyền sống, quyền tự do. Trước thực trạng đó, tinh thần “cứu khổ cứu nạn” của đạo Phật, vốn xuất phát từ lòng từ bi và mục tiêu hóa giải mọi khổ đau của chúng sinh, không thể đứng ngoài cuộc. Đó là lúc Phật giáo Việt Nam vượt qua phạm vi cứu khổ cá nhân để chuyển hóa thành lý tưởng hành động vì sự sống còn của dân tộc.

Tinh thần nhập thế lúc này không chỉ thể hiện ở lòng từ bi, mà còn là sự dẫn thân, hy sinh vì đại nghĩa dân tộc. Nhiều vị tăng sĩ, Phật tử đã tham gia trực tiếp vào phong trào yêu nước, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc. Họ xem việc giành lại độc lập cho đất nước là con đường tất yếu để bảo vệ chúng sinh, bảo vệ đạo pháp. Bởi lẽ, chỉ khi đất nước được độc lập, nhân dân được tự do, thì mới có điều kiện để Phật giáo phát triển, giáo lý được truyền bá rộng rãi, và lý tưởng an lạc cho mọi người mới có thể trở thành hiện thực. “Khi dân tộc bị mất nước, thì cứu khổ lớn nhất là giành lại độc lập cho đất nước; giải phóng dân tộc là hành động nhập thế triệt để nhất của Phật giáo” (3).

Tư tưởng “nước có độc lập, thì đạo pháp mới được quang huy” trở thành kim chỉ nam cho hành động nhập thế của Phật giáo trong giai đoạn cách mạng. Câu nói này không chỉ phản ánh mối quan hệ song hành giữa đạo và đời, mà còn là lời tuyên ngôn mạnh mẽ về trách nhiệm của Phật giáo đối với vận mệnh dân tộc. Giải phóng dân tộc không còn là lý tưởng của riêng các nhà cách mạng, mà còn là lý tưởng cứu khổ cấp thiết nhất trong lịch sử dân tộc mà Phật giáo Việt Nam tự nguyện gánh vác.

Chính sự phát triển đó, từ lòng từ bi, cứu khổ đến lý tưởng giải phóng dân tộc đã làm nên một hình mẫu Phật giáo nhập thế đặc trưng, yêu nước và gắn bó máu thịt với vận mệnh dân tộc. Đây không chỉ là lựa chọn tự nhiên, mà là bước tiến tất yếu của một Phật giáo vì con người, vì hòa bình, vì độc lập và hạnh phúc của muôn dân.

2. Phật giáo Việt Nam trong Cách mạng Tháng Tám và sự nghiệp giải phóng dân tộc (1945 - 1975)

2.1 Phật giáo Việt Nam tích cực tham gia vào thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám 1945

Trong bối cảnh đất nước bị đặt dưới ách thống trị tàn bạo của thực dân Pháp và phát xít Nhật, đời sống nhân dân rơi vào cảnh khốn cùng, đói rét, lầm than, đặc biệt là trong thảm họa nạn đói năm 1945 khiến hơn hai triệu người Việt Nam chết đói. Nỗi thống khổ này không chỉ là nỗi đau về thể xác mà còn là khổ đau của một dân tộc bị tước đoạt độc lập và nhân phẩm. Chính trong hoàn cảnh ấy, tinh thần cứu khổ cứu nạn và nhập thế của Phật giáo một lần nữa được đánh thức, chuyển hóa thành hành động cụ thể vì sự sống còn của dân tộc.

Nhiều tăng ni và Phật tử giác ngộ cách mạng, nhận thức rằng chỉ có lật đổ ách đô hộ thực dân, giành lại độc lập dân tộc mới là con đường đúng đắn để giải thoát khổ đau cho toàn dân. Họ đã tích cực tham gia vào các phong trào yêu

nước, đặc biệt là dưới ngọn cờ của Mặt trận Việt Minh, đây là tổ chức do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, quy tụ lực lượng toàn dân tộc trong cuộc tổng khởi nghĩa. “Hội Phật giáo Cứu quốc ra đời đã tập hợp được đông đảo tăng ni, Phật tử yêu nước, là minh chứng cho tinh thần nhập thế của Phật giáo trong sự nghiệp cách mạng” (4).

Sự ra đời của các tổ chức như “Hội tăng già Cứu quốc” và “Hội Phật giáo Cứu quốc” là minh chứng rõ rệt cho sự tham gia chính trị và hành động nhập thế sâu sắc của Phật giáo thời kỳ này. Những tổ chức này không chỉ quy tụ tăng ni, Phật tử yêu nước, mà còn trực tiếp tham gia tuyên truyền, vận động quần chúng, tổ chức đấu tranh, tiếp tế cho lực lượng khởi nghĩa và phản kháng lại chính quyền bù nhìn tay sai.



Hình minh họa tạo bởi AI

Nhiều ngôi chùa trở thành cơ sở cách mạng quan trọng, nơi nuôi giấu cán bộ, lưu trữ tài liệu, tổ chức liên lạc bí mật giữa các lực lượng cách mạng. Một số ví dụ tiêu biểu có thể kể đến như:

- Chùa Bà Đá (Hà Nội): là nơi tổ chức nhiều cuộc họp bí mật của các chiến sĩ cách mạng.
- Chùa Giác Ngộ (TP.HCM): từng là điểm liên lạc của lực lượng cách mạng miền Nam.
- Chùa Phổ Quang và chùa Xá Lợi (Sài Gòn): nơi tiếp nhận và cất giữ tài liệu cách mạng, nuôi dưỡng cán bộ hoạt động bí mật.

Những hành động đó không chỉ thể hiện tinh thần yêu nước, nhập thế của Phật giáo Việt Nam mà còn góp phần trực tiếp vào thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, mở ra một kỷ nguyên mới cho dân tộc, kỷ nguyên của độc lập, tự do và tự chủ. Đây là dấu mốc quan trọng chứng minh rằng, Phật giáo không đứng ngoài cuộc cách mạng, mà là một lực lượng đồng hành, góp phần làm nên trang sử vẻ vang của dân tộc Việt Nam.

2.2 Những đóng góp to lớn của tăng ni, phật tử trong hai cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc

Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vừa mới khai sinh đã phải đối mặt với sự trở lại xâm lược của thực dân Pháp, mở đầu cho cuộc kháng chiến trường kỳ lần thứ nhất. Hưởng ứng Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh năm 1946, tăng ni và phật tử khắp nơi đã tích cực tham gia kháng chiến, đóng góp cả về vật chất và tinh thần. Nhiều chùa chiền trở thành nơi quyên góp lương thực, thuốc men, và tổ chức lễ cầu an, cầu chiến thắng cho quân dân cả nước.

Đặc biệt nổi bật trong giai đoạn này là phong trào “cởi áo cà sa, khoác chiến bào”, thể hiện tinh thần dấn thân mạnh mẽ của giới tu hành. Nhiều nhà sư tạm gác việc tu hành để trực tiếp cầm súng, tham gia vào mặt trận kháng chiến. Trường hợp tiêu biểu là 27 nhà sư chùa Cổ Lễ (Nam Định) đã tình nguyện nhập ngũ, trở thành những chiến sĩ thực thụ trên chiến trường. Đây là hình ảnh sống động về tinh thần nhập thế, coi việc cứu nước là hành đạo, xem bảo vệ dân tộc là hình thức cao nhất của lòng từ bi. “Phong trào ‘cởi áo cà sa, khoác chiến bào’ thể hiện tinh thần phụng sự dân tộc đến tận cùng của giới tu hành Phật giáo Việt Nam” (5).

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975), tăng ni, phật tử tiếp tục phát huy truyền thống yêu nước, nhập thế. Tại miền Bắc, họ thi đua lao động sản xuất, tăng gia trồng trọt, xây dựng hậu phương vững chắc, đồng thời tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, vận động ủng hộ kháng chiến. Nhiều chùa đã tổ chức lớp học, trạm y tế, và các hoạt động từ thiện để chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân và bộ đội.

Tại miền Nam, trong hoàn cảnh bị Mỹ, ngụy kiểm soát gắt gao, Phật giáo trở thành một lực lượng đấu tranh chính trị mạnh mẽ. Nhiều tăng ni, cư sĩ đã tham gia các phong trào phản đối chiến tranh, đấu tranh đòi hòa bình, độc lập, và thống nhất đất nước. Đặc biệt trong phong trào Phật giáo đấu tranh đô thị những năm 1963-1966, nhiều nhà sư đã xuống đường tuyệt thực, biểu tình, phản đối chế độ đàn áp tôn giáo và chính sách chiến tranh của Mỹ.

Các chùa chiến tiếp tục là điểm tựa vững chắc cho cách mạng, vừa là nơi che giấu cán bộ, tiếp tế cho lực lượng vũ trang, vừa là trung tâm truyền bá tinh thần yêu nước đến quần chúng nhân dân. Những đóng góp thầm lặng nhưng to lớn ấy đã góp phần quan trọng vào thắng lợi cuối cùng của dân tộc, đỉnh cao là Chiến thắng mùa Xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Qua hai cuộc kháng chiến, Phật giáo Việt Nam đã chứng minh rằng mình không chỉ là một lực lượng tôn giáo, mà còn là một thành phần trung thành, tích cực và gắn bó máu thịt với cách mạng, với nhân dân và Tổ quốc. “Hàng loạt ngôi chùa miền Nam là nơi ẩn náu, tiếp tế, và tổ chức đấu tranh chính trị chống lại chế độ tay sai Mỹ - ngụy (6).

3. Phát huy truyền thống yêu nước, đồng hành cùng dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa

3.1 Kế thừa và phát huy tinh thần nhập thế trong thời kỳ mới

Sau ngày đại thắng mùa Xuân năm 1975, đất nước được thống nhất, mở ra một kỷ nguyên mới cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Trong bối cảnh lịch sử ấy, Phật giáo Việt Nam cũng bước sang một giai đoạn phát triển mới, đánh dấu bằng sự kiện quan trọng là Đại hội Phật giáo toàn quốc lần thứ nhất vào năm 1981, chính thức thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN). Đây là lần đầu tiên trong lịch sử, các tổ chức Phật giáo trên toàn quốc được thống nhất về tổ chức, tư tưởng và hành động, thể hiện rõ ý chí đoàn kết, hòa hợp, nhập thế và gắn bó cùng dân tộc.



Chùa Bà Đá (ảnh: Internet)

Sự ra đời của GHPGVN không chỉ là nhu cầu tổ chức mà còn mang ý nghĩa chính trị-xã hội sâu sắc, phản ánh nguyện vọng của hàng triệu tăng ni, Phật tử mong muốn góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng đất nước hòa bình, ổn định và phát triển. Từ đó, phương châm hành đạo “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội” được xác lập như kim chỉ nam xuyên suốt cho mọi hoạt động của Phật giáo Việt Nam trong thời kỳ mới.

Phương châm này là sự kế thừa tinh thần nhập thế và yêu nước vốn đã in sâu trong lịch sử Phật giáo Việt Nam qua các thời kỳ dựng nước và giữ nước, đồng thời cũng là sự phát huy sáng tạo trong điều kiện lịch sử mới, khi đất nước chuyển mình sang giai đoạn phát triển, hội nhập, và xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trong bối cảnh đó, Phật giáo không còn giới hạn trong vai trò tôn giáo tâm linh, mà ngày càng khẳng định vai trò xã hội, đạo đức và văn hóa, trở thành một lực lượng tích cực trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, góp phần giữ gìn ổn định chính trị, phát triển kinh tế, nâng cao đời sống tinh thần, và bồi đắp giá trị đạo đức truyền thống cho xã hội.

Như vậy, tinh thần nhập thế của Phật giáo không hề mai một theo thời gian, mà được chuyển hóa và phát huy phù hợp với yêu cầu phát triển mới của đất nước, tiếp tục khẳng định vai trò lịch sử của Phật giáo trong hành trình dựng xây và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

3.2 Những đóng góp của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Kể từ khi được thành lập vào năm 1981, Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) đã không ngừng khẳng định vai trò của mình không chỉ trong lĩnh vực tôn giáo mà còn trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Dưới ánh sáng phương châm “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội”, GHPGVN đã có nhiều đóng góp tích cực, thiết thực và sâu rộng trên nhiều phương diện của đời sống xã hội.

Trước hết, GHPGVN tham gia mạnh mẽ vào các hoạt động xã hội, từ thiện, nhân đạo và an sinh cộng đồng, thể hiện tinh thần từ bi cứu khổ đặc trưng của đạo Phật. Hàng năm, các cơ sở Phật giáo trên cả nước tổ chức hàng ngàn chương trình cứu trợ đồng bào bị thiên tai, hỗ trợ người nghèo, cấp phát thuốc miễn phí, tặng học bổng cho học sinh khó khăn, xây nhà tình thương, cầu đường, giếng nước... GHPGVN cũng tích cực đồng hành với Nhà nước trong công tác phòng, chống dịch bệnh, đặc biệt là trong đại dịch COVID-19, khi nhiều chùa chiền trở thành điểm cách ly, phát suất ăn miễn phí, quyên góp trang thiết bị y tế. “Từ thiện xã hội là biểu hiện cụ thể của tinh thần nhập thế, và là một trong những phương diện quan trọng của hành đạo trong thời kỳ mới” (7).

Bên cạnh đó, Phật giáo Việt Nam đóng vai trò quan trọng trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, đạo đức truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Thông qua các hoạt động hoằng pháp, giáo dục tăng ni, tổ chức lễ hội Phật giáo, trùng tu di tích chùa chiền, GHPGVN không chỉ giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc mà còn góp phần xây dựng một xã hội có nền tảng đạo đức, nhân văn và yêu thương. Những giá trị như hiếu đạo, từ bi, khoan dung, vị tha, vốn là cốt lõi của đạo Phật đã lan tỏa rộng rãi trong cộng đồng.

GHPGVN cũng đóng góp tích cực trong việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, luôn khẳng định tinh thần hòa hợp, tôn trọng các tôn giáo bạn, đoàn kết với các tầng lớp nhân dân. Giáo hội luôn đồng hành cùng chính quyền trong các hoạt động tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, củng cố lòng tin nhân dân đối với Nhà nước và chế độ, từ đó góp phần giữ vững ổn định chính trị-xã hội.

Mặt khác, GHPGVN còn tích cực tham gia vào các hoạt động đối ngoại nhân dân, thúc đẩy giao lưu Phật giáo quốc tế, tham dự các diễn đàn hòa bình, đối thoại tôn giáo, hội nghị văn hóa, tâm linh tại nhiều quốc gia. Thông qua đó, GHPGVN đã góp phần quảng bá hình ảnh Việt Nam thân thiện, hòa bình và nhân ái, nâng cao uy tín và vị thế của đất nước trên trường quốc tế.

Tất cả những đóng góp đó không chỉ khẳng định vai trò nhập thế, yêu nước và đồng hành cùng dân tộc của Phật giáo Việt Nam trong thời đại mới, mà còn là sự tiếp nối chân thực truyền thống “Phật giáo đồng hành cùng dân tộc” đã được hun đúc qua hàng nghìn năm lịch sử.

3.3 Bài học kinh nghiệm và phương hướng tương lai

Bài học kinh nghiệm:

Hơn hai nghìn năm đồng hành cùng lịch sử dân tộc đã để lại cho Phật giáo Việt Nam những bài học sâu sắc, đặc biệt là trong thời kỳ cách mạng, kháng chiến và công cuộc xây dựng đất nước ngày nay. *Trước hết*, sự gắn bó chặt chẽ với dân tộc và lợi ích của nhân dân chính là cội nguồn sức mạnh giúp Phật giáo Việt Nam tồn tại và phát triển bền vững. Chỉ khi đặt mình trong dòng chảy của dân tộc, gắn bó với cuộc sống thực tế của con người, đạo Phật mới thực sự phát huy vai trò cứu khổ, hóa độ.

Thứ hai, tinh thần nhập thế của đạo Phật không thể chỉ tồn tại ở lời nói hay lý thuyết, mà phải được thể hiện bằng những hành động cụ thể, thiết thực, phù hợp với từng bối cảnh lịch sử. Trong thời chiến, đó là sự hy sinh, tham gia kháng chiến. Trong thời bình, đó là sự phục vụ xã hội, tham gia xây dựng đất nước, góp phần hóa giải khổ đau của con người hiện đại.

Một bài học then chốt khác là: sự thống nhất về tổ chức, tư tưởng và hành động của Phật giáo cả nước, được thể hiện qua sự ra đời và hoạt động hiệu quả của GHPGVN là điều kiện tiên quyết để Phật giáo phát huy vai trò của mình trong xã hội. Chỉ khi có tổ chức vững mạnh, đoàn kết nội bộ, Phật giáo mới có thể phát huy được sức mạnh tập thể, giữ vững vai trò là một tôn giáo đồng hành cùng dân tộc.

Phương hướng phát huy trong thời kỳ mới:

Trong giai đoạn hiện nay khi đất nước đang trên đà hội nhập, phát triển kinh tế và đối mặt với nhiều thách thức xã hội, Phật giáo Việt Nam cần tiếp tục phát huy tinh thần nhập thế trong điều kiện mới, với một số định hướng trọng tâm như sau:

* Tiếp tục kiên định và cụ thể hóa phương châm “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội”, biến đây không chỉ là khẩu hiệu mà là nguyên tắc hành động xuyên suốt trong mọi hoạt động tôn giáo, văn hóa và xã hội của Giáo hội.

* Tăng cường công tác giáo dục Phật pháp, nâng cao nhận thức cho tăng ni, phật tử về trách nhiệm công dân, nghĩa vụ đối với Tổ quốc và vai trò xã hội của người tu hành, từ đó tạo ra thế hệ kế thừa vừa có đạo hạnh, vừa có ý thức xã hội và tinh thần yêu nước.

* Đẩy mạnh và chuyên nghiệp hóa các hoạt động phụng sự xã hội: từ thiện, y tế, giáo dục, bảo vệ môi trường, chăm lo người yếu thế... nhằm đóng góp thiết thực vào việc giải quyết các vấn đề xã hội đương đại, qua đó khẳng định vai trò tích cực và hiện đại của đạo Phật trong xã hội hôm nay.

* Chủ động đấu tranh với các luận điệu sai trái, xuyên tạc tôn giáo, lợi dụng Phật giáo để chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, làm phương hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc và sự ổn định của đất nước. Đây là trách nhiệm không chỉ của chính quyền mà còn là nghĩa vụ nhập thế của Phật giáo trong việc bảo vệ chính nghĩa và đạo pháp.

Tóm lại, trong giai đoạn mới, Phật giáo Việt Nam cần tiếp tục phát huy truyền thống yêu nước, nhập thế, gắn bó với dân tộc, đồng thời không ngừng đổi mới hình thức hoạt động để đáp ứng yêu cầu của thời đại, góp phần xây dựng một xã hội Việt Nam phát triển bền vững, nhân văn và hạnh phúc.

III. Kết luận

Phật giáo Việt Nam, trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước, không chỉ là một tôn giáo gắn với tín ngưỡng tâm linh, mà còn là một thành tố quan trọng trong nền văn hóa, tinh thần và bản sắc dân tộc Việt Nam. Với cốt lõi giáo lý “từ bi - cứu khổ”, đạo Phật đã hòa mình vào dòng chảy lịch sử của đất nước, góp phần làm nên những thắng lợi vĩ đại của dân tộc, từ Cách mạng Tháng Tám đến hai cuộc kháng chiến trường kỳ và công cuộc xây dựng Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ngày nay.

Từ tinh thần “cứu khổ cứu nạn”, Phật giáo Việt Nam đã chuyển hóa mạnh mẽ thành lý tưởng “giải phóng dân tộc” trong những giai đoạn đất nước lâm nguy, thể hiện bằng hành động thiết thực, bằng sự hy sinh và dấn thân không mệt mỏi của nhiều thế hệ tăng ni, phật tử. Ngày nay, tinh thần nhập thế ấy vẫn tiếp tục được kế thừa và phát huy qua các hoạt động xã hội, từ thiện, giáo dục đạo đức, và bảo vệ khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Trước yêu cầu của thời đại mới, Phật giáo Việt Nam cần tiếp tục khẳng định vai trò hộ quốc an dân, tích cực nhập thế, đồng hành cùng dân tộc trong sự nghiệp phát triển đất nước. Tăng ni, phật tử ngày nay hãy kế thừa di sản tinh thần quý báu của cha ông, sống và hành đạo theo đúng phương châm “Đạo pháp - Dân

tộc - Chủ nghĩa xã hội”, không chỉ vì sự phát triển của Giáo hội, mà còn vì tương lai hòa bình, độc lập, thống nhất và hưng thịnh của dân tộc.

Thông điệp được gửi gắm là sự kêu gọi đồng hành, đoàn kết và dẫn thân: Hãy cùng toàn dân tộc nỗ lực phấn đấu vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, từng bước đưa Việt Nam vững chắc đi lên con đường xã hội chủ nghĩa, trong đó Phật giáo tiếp tục là ánh sáng tinh thần, là điểm tựa đạo đức của cộng đồng và xã hội.

Tác giả: **Thích nữ Liên Phú**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

Chú thích:

- 1) Chùa Pháp Hoa, Phường Mỹ Thượng, Tp. Huế.
- 2) Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật giáo sử luận*, NXB Văn học, 2000
- 3) Trần Văn Giàu, *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng Tháng Tám*, NXB TP. HCM, 1997
- 4) Ban Tôn giáo Chính phủ, *Phật giáo Việt Nam trong lịch sử cách mạng dân tộc*, NXB Tôn giáo, 2010
- 5) Ban Tôn giáo Chính phủ, 2010
- 6) Thích Trí Quang, *Hồi ký, bản lưu hành nội bộ*
- 7) Lê Mạnh Thát, *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, NXB TP. HCM, 2002

Tài liệu tham khảo:

- 1] Ban Tôn giáo Chính phủ (2010), *Phật giáo Việt Nam trong lịch sử cách mạng dân tộc*, NXB Tôn giáo, Hà Nội.
- 2] Giáo hội Phật giáo Việt Nam (1981-2022), *Văn kiện Đại hội Phật giáo toàn quốc lần I đến VIII*, Hà Nội.
- 3] Kinh Pháp Hoa, *Phẩm Phổ môn*, dịch giả Thích Trí Tịnh, NXB Tôn giáo, ấn bản phổ thông.

- 4] Lê Mạnh Thát (2002), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, NXB TP. Hồ Chí Minh.
- 5] Nguyễn Lang (2000), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, NXB Văn học, Hà Nội.
- 6] Thích Thanh Từ (2006), *Thiền phái Trúc Lâm*, NXB Tôn giáo, Hà Nội.
- 7] Thích Trí Quang, *Hồi ký*, bản lưu hành nội bộ, Văn phòng II Trung ương GHPGVN.
- 8] Trần Văn Giàu (1997), *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng Tháng Tám*, NXB TP. Hồ Chí Minh.